

Bản án số: 03/2022/HN-ST

Ngày: 06-01-2022

V/v: “Ly hôn”

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

#### **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Hậu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Duy Khoa;
2. Bà Bùi Thị Thúy Bắc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

Ông Trần Văn P, sinh năm 1964;

Nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

**2. Bị đơn:**

Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Ông P, bà D có yêu cầu xét xử vắng mặt.

## **NỘI D V U Á N:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/04/2021, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Mỹ D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/10/1996. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng cũng hạnh phúc nhưng đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất

đồng quan điểm, thường hay tranh cãi, không tìm được tiếng nói chung. Hiện ông và bà D đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D, ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Văn P, sinh năm 1981; Trần Thị H, sinh năm 1983 và Trần Văn L, sinh năm 1987. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 24/11/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn P là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân hơn một năm nay. Kể từ khi sống ly thân, cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà đồng ý ly hôn với ông P, bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Văn P, sinh năm 1981; Trần Thị H, sinh năm 1983 và Trần Văn L, sinh năm 1987. Hiện các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Mỹ D đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông P, bà D.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Ly hôn” được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Mỹ D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hòa, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre vào ngày 10/10/1996 và đã được cấp giấy chứng nhận

kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo ông P, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường hay tranh cãi, vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung. Nay ông P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với bà D; còn bà D cũng xác định cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn quan tâm đến nhau nên nay bà cũng đồng ý ly hôn với ông P.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông P và bà D thực tế là có xảy ra và giữa hai người đã có khoảng thời gian sống ly thân từ hơn một năm qua. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P và bà D là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông P đối với bà D là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận ông P, bà D không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống ông P và bà D có 03 người con gồm: Trần Văn P, sinh năm 1981; Trần Thị H, sinh năm 1983 và Trần Văn L, sinh năm 1987. Hiện các con đã trưởng thành nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Ông P và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Ông P và bà D khai không có nên không xét đến.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông P phải chịu án phí là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 147, 207 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn P đối với bà Nguyễn Thị Mỹ D. Cụ thể tuyên:

Ông Trần Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Mỹ D. Ghi nhận ông P, bà D không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Văn P, sinh năm 1981; Trần Thị H, sinh năm 1983 và Trần Văn L, sinh năm 198703 đã trưởng thành.

3/. Về tài sản chung: Ông P và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4/. Về nợ chung: Ông P và bà D khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí: ông Trần Văn P phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000830 ngày 11/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Ông P đã nộp đủ án phí.

6/. Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**ĐÃ KÝ**

**Lê Chí Hậu**